

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/LĐ-PT
Ngày 31-5-2021
V/v tranh chấp chấm dứt hợp đồng
lao động

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dương

Ông Nguyễn Văn Thiêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2021/TLPT-LĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp chấm dứt hợp đồng lao động.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 01/2021/LĐ-ST ngày 30 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện đảo BLV, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2021/QĐ-PT ngày 05 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐPT-LĐ ngày 20 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Lan P, sinh năm 1966; cư trú tại: Nhà C5 thanh niên xung phong, huyện BLV, thành phố Hải Phòng; vắng mặt

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị Minh T1, sinh năm 1995; ĐKKHKT: Số 43 tổ 7, tổ dân phố C7, phường CB, quận HA, thành phố Hải Phòng; địa chỉ liên hệ: BH 06-09 VI, phường SD, quận HB, thành phố Hải Phòng (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 16/6/2020 tại Văn phòng Công chứng KM); có mặt

- *Bị đơn:* Ủy ban nhân dân huyện BLV, thành phố Hải Phòng; địa chỉ trụ sở: Huyện BLV, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Quang T2, chức vụ: Trưởng phòng Tư pháp UBND huyện BLV (Theo Giấy ủy quyền số 02/GUQ-UBND ngày

12/11/2020 của UBND huyện BLV, thành phố Hải Phòng); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ban Quản lý cảng và khu neo đậu tàu BLV (viết tắt là Ban quản lý cảng); địa chỉ trụ sở: Huyện BLV, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Minh X, chức vụ: Giám đốc; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Phạm Thị Lan P là nguyên đơn

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm, nội dung kháng cáo:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Bà Phạm Thị Lan P ký Hợp đồng lao động (viết tắt là HĐLĐ) với Ban Quản lý cảng và khu neo đậu tàu BLV, là nhân viên phục vụ và bắt đầu vào làm việc tại Ban Quản lý cảng từ ngày 01/01/2005. Từ tháng 6/2008, bà ký HĐLĐ không xác định thời hạn với Ủy ban nhân dân huyện BLV (viết tắt là UBND huyện) làm nhân viên kỹ thuật tại Ban Quản lý cảng. Ngày 15/8/2019, UBND huyện ra thông báo chấm dứt HĐLĐ tại đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND huyện. Ban Quản lý cảng là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND huyện và bà là một trong 5 người của Ban Quản lý cảng được thông báo chấm dứt HĐLĐ. Sau đó, UBND huyện ra Quyết định số 102/QĐ-UBND ngày 30/9/2019 chấm dứt HĐLĐ làm việc đối với bà kể từ ngày 01/10/2019. Bà cho rằng trong cả quá trình làm việc, bà luôn hoàn thành công việc được giao theo yêu cầu của Ban Quản lý cảng. Bà cũng chưa lần nào bị xử lý kỷ luật lao động cũng như vi phạm quy định của pháp luật. Việc UBND huyện căn cứ vào quy định của Chính phủ và sự chỉ đạo của UBND thành phố Hải Phòng để chấm dứt HĐLĐ đối với bà là trái pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Tính đến thời điểm nghỉ việc, bà mới nhận đủ lương trong thời gian làm việc tại Ban quản lý cảng, các khoản nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong thời gian bà làm việc cũng đã được nộp đầy đủ. Đối với khoản trợ cấp chấm dứt HĐLĐ, UBND huyện đã trả số tiền 6.450.000 đồng nhưng bà không nhận do UBND huyện chấm dứt HĐLĐ trái pháp luật, số tiền trả cho bà cũng không đúng. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 42, Điều 48 Bộ luật Lao động, bà khởi kiện yêu cầu xác định việc đơn phương chấm dứt HĐLĐ của UBND huyện đối với bà là trái pháp luật. Do đó, UBND huyện phải có nghĩa vụ:

- Nhận bà trở lại làm theo HĐLĐ đã ký và phải thanh toán tiền lương, nộp BHXH, BHYT trong thời gian bà không làm việc cộng với ít nhất 2 tháng tiền

lương theo HĐLĐ; cụ thể:

+ Tiền lương từ tháng 10/2019 đến ngày làm việc tạm tính đến ngày xét xử 30/01/2021 là 16 tháng không làm việc: Hệ số 2,55 x 1.490.000 đồng x 16 tháng = 60.792.000 đồng;

+ Tiền người sử dụng lao động phải đóng BHXH, BHYT trong 16 tháng: 22% x 2,55 x 1.490.000 đồng x 16 tháng = 13.374.240 đồng;

+ Tối thiểu 2 tháng tiền lương theo khoản 1 Điều 42 Bộ luật Lao động: 2,55 x 1.490.000 đồng x 2 tháng = 7.599.000 đồng;

Tổng số: 60.792.000 + 13.374.240 + 7.599.000 = 81.765.240 đồng.

- Trường hợp UBND huyện không đồng ý nhận bà trở lại làm việc và bà đồng ý thì UBND huyện phải bồi thường và trợ cấp thôi việc được quy định tại khoản 1 Điều 42, Điều 48 Bộ luật Lao động, bồi thường ít nhất 2 tháng tiền lương theo HĐLĐ, cụ thể:

+ Khoản tiền bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 41 Bộ luật Lao động: 81.765.240 đồng;

+ Trợ cấp thôi việc theo Điều 48 Bộ luật Lao động thời gian được tính từ tháng 01/2005 đến tháng 10/2019 trừ đi thời gian nộp bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 01/2009 đến tháng 10/2019 là 4 năm = $\frac{1}{2}$ x 2,55 x 1.490.000 đồng x 4 năm = 7.599.000 đồng;

+ Thỏa thuận bồi thường tối thiểu 2 tháng tiền lương: 7.599.000 đồng;

Tổng số: 81.765.240 + 7.599.000 + 7.599.000 = 96.963.240 đồng.

Do UBND huyện không muốn nhận lại và bà cũng đồng ý nên bà yêu cầu UBND huyện phải bồi thường cho bà số tiền 96.963.240 đồng.

Trong bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Theo phân cấp quản lý, Ban Quản lý cảng là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND huyện. Bà Phạm Thị Lan P đã ký các HĐLĐ xác định thời hạn và vào làm nhân viên phục vụ tại Ban Quản lý cảng từ tháng 01/2005. Từ tháng 6/2008, UBND huyện đã có quyết định chuyển chế độ HĐLĐ không xác định thời hạn đối với bà P làm nhân viên kỹ thuật trong chỉ tiêu biên chế được giao tại Ban quản lý cảng.

Theo Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 07/01/2019 của UBND thành phố Hải Phòng về việc phân bổ biên chế công chức hành chính, số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thành phố Hải Phòng năm 2019 chỉ đạo Chủ tịch UBND các quận, huyện có trách nhiệm thực hiện: "...rà soát, sắp xếp lại bộ máy nội bộ tại cơ quan, đơn vị, đảm bảo cơ cấu hợp lý, giảm đầu mối, bỏ trung gian, giảm biên chế...". Căn cứ ý kiến của Sở Nội vụ thành phố Hải Phòng tại

Thông báo số 24/TB-SNV ngày 10/01/2019 về biên chế công chức hành chính, số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập năm 2019 của UBND huyện BLV, theo đó UBND huyện có trách nhiệm “rà soát, chấm dứt hợp đồng làm chuyên môn, nghiệp vụ tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách đảm bảo chi thường xuyên theo quy định hiện hành”. Quyết định của UBND thành phố dẫn đến việc thay đổi cơ cấu tổ chức lại lao động tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND huyện. UBND huyện đã tiến hành rà soát theo quy định của UBND thành phố, căn cứ cơ cấu viên chức hiện có và nhu cầu tuyển dụng viên chức của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc trong đó có Ban Quản lý cảng, UBND huyện đã ban hành Kế hoạch 13/KH-UBND ngày 29/5/2019 về việc xét tuyển viên chức năm 2019 trong đó quy định các điều kiện dự tuyển tương ứng với mỗi vị trí việc làm phải có văn bằng, chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng, các điều kiện khác phù hợp. Kế hoạch xét tuyển viên chức được UBND huyện thực hiện công khai. Những người lao động đang ký HĐLĐ tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện nói chung và Ban Quản lý cảng nói riêng nếu đủ điều kiện dự tuyển sẽ được tham gia dự tuyển, nếu không đáp ứng được thì không được tham gia dự tuyển, đồng thời phải chấm dứt HĐLĐ. Bà P và 4 người đang có HĐLĐ với Ban quản lý cảng không đáp ứng được các điều kiện dự tuyển.

UBND huyện không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà P, vì thực hiện Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 07/01/2019 của UBND thành phố Hải Phòng dẫn đến việc thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động của UBND huyện và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND huyện trong đó có Ban quản lý cảng. Do đó, UBND huyện chấm dứt HĐLĐ đối với bà P là do thay đổi cơ cấu. UBND huyện đã xây dựng và thực hiện phương án sử dụng lao động nhưng không thể giải quyết được việc làm nên phải cho bà P thôi việc. Trước khi cho bà P thôi việc, UBND huyện đã thông báo đến người lao động, cơ quan nhà nước quản lý về lao động và đã trao đổi với đại diện tập thể lao động tại Ban quản lý cảng. Sau khi bà P khởi kiện, UBND huyện tính lại số tiền trợ cấp mất việc làm cho bà P cụ thể là: $2,55 \times 1.490.000 \text{ đồng} \times 4 \text{ năm} = 15.198.000 \text{ đồng}$, nhưng bà P không nhận tiền. Do đó, UBND huyện đã chuyển số tiền này cho Chi cục thi hành án dân sự huyện BLV, sau này thi hành trả cho bà P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Ban Quản lý cảng là đơn vị sự nghiệp chịu sự quản lý trực tiếp của UBND huyện. Việc tuyển dụng biên chế hay giảm biên chế thì Ban Quản lý cảng không có quyền. Bà P được UBND huyện chuyển sang HĐLĐ không xác định thời hạn và làm việc tại Ban Quản lý cảng. Nay, UBND huyện cho bà P thôi việc thì Ban Quản lý cảng cũng phải chấp hành. Việc bà P khởi kiện, Ban Quản lý cảng có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm: Tại Bản án số 01/2021/LĐ-ST ngày 31/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện BLV, thành phố Hải Phòng đã Căn cứ khoản 10 Điều 36, khoản 1 Điều 44, Điều 49 Bộ luật Lao động, Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Lan P, UBND huyện BLV có nghĩa vụ trả trợ cấp mất việc làm cho bà Phạm Thị Lan P số tiền 15.198.000 đồng. Bà Phạm Thị Lan P được nhận số tiền 15.198.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000767 ngày 28/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BLV. UBND huyện BLV, thành phố Hải Phòng đã thực hiện nghĩa vụ trả trợ cấp mất việc làm cho bà Phạm Thị Lan P.

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: UBND huyện BLV đã thực hiện nghĩa vụ nên không phải nộp án phí. Miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phạm Thị Lan P đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự

Nội dung kháng cáo: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/02/2021, nguyên đơn là bà Phạm Thị Lan P kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, sửa một phần hoặc toàn bộ Bản án sơ thẩm theo hướng: Xác định việc UBND huyện BLV đơn phương chấm dứt HĐLĐ là trái pháp luật; buộc UBND huyện nhận bà P trở lại làm việc theo HĐLĐ đã giao kết và phải trả tiền lương, BHXH, BHYT trong thời gian bà P không được làm việc cộng với ít nhất 2 tháng tiền lương theo HĐLĐ. Trường hợp UBND huyện không muốn nhận lại và bà P đồng ý thì UBND huyện phải bồi thường cho bà P các khoản tiền theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 42 Bộ luật Lao động với số tiền 96.963.240 đồng. Nhưng đến ngày 18/5/2021, bà P thay đổi một phần nội dung kháng cáo về tổng số tiền bà yêu cầu UBND huyện có nghĩa vụ phải bồi thường cho bà là 337.240.640 đồng (tính theo hệ số lương 9,88).

Nội dung kháng nghị của Viện trưởng VKSND thành phố Hải Phòng: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên UBND huyện BLV đã thực hiện nghĩa vụ nên không phải nộp án phí là không đúng và xác định tiền lương làm căn cứ tính trợ cấp cho bà P là không đúng.

Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, nguyên đơn đã có đơn giải trình kháng cáo về việc thay đổi một phần nội dung khởi kiện và kháng cáo, buộc UBND huyện phải thanh toán số tiền 337.240.640 đồng. Nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn thay đổi nội dung kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu buộc UBND huyện phải thanh toán số tiền 96.963.240 đồng với lý do việc chấm dứt HĐLĐ của UBND huyện không đúng, theo HĐLĐ công việc thực tế của bà P là dọn vệ sinh

môi trường, không cân bằng cấp, trình độ nên không liên quan đến việc thay đổi cơ cấu, công nghệ.

- *Người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:* Giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, do bà P không đủ điều kiện dự tuyển nên không thể nhận bà P làm việc tiếp.

- *Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại giai đoạn xét xử sơ thẩm và không có ý kiến gì khác.

Các đương sự cùng không có ý kiến gì đối với kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và phát biểu ý kiến về nội dung kháng cáo:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- *Về nội dung kháng cáo:*

Thứ nhất, xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn về việc xác định UBND huyện BLV đơn phương chấm dứt HĐLĐ đối với bà P trái pháp luật; buộc UBND huyện nhận bà trở lại làm việc theo HĐLĐ đã giao kết và phải trả tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày bà không được làm việc cộng với ít nhất 02 tháng tiền lương theo HĐLĐ. Trường hợp UBND huyện không muốn nhận lại và bà đồng ý thì phải bồi thường cho bà các khoản tiền theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 42 Bộ luật Lao động với tổng số tiền là 59.636.990 đồng. Tại đơn giải trình đơn kháng cáo, bà đề nghị UBND huyện phải thanh toán số tiền là 337.240.640 đồng nhưng tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà P thay đổi nội dung kháng cáo, yêu cầu số tiền như ban đầu là 96.963.240 đồng. Ý kiến kháng cáo của bà Phạm Thị Lan P có căn cứ chấp nhận một phần, bởi lẽ: Theo điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 148/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018 của Chính phủ hướng dẫn “thay đổi cơ cấu tại khoản 1 Điều 44 Bộ luật Lao động là thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động”.

Tại Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 07/01/2019 của UBND thành phố Hải Phòng về việc phân bổ biên chế công chức hành chính, số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thành phố Hải Phòng năm 2019 đã quy định: “Rà soát, chấm dứt HĐLĐ làm chuyên môn, nghiệp vụ tại các đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách đảm bảo chi thường xuyên”. Thực hiện quyết định trên, UBND huyện BLV đã thực hiện nhiệm vụ tổ chức lại lao động tại Ban Quản lý

cảng theo quy định của UBND thành phố. Như vậy, là có sự thay đổi cơ cấu tổ chức theo hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 148/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018 của Chính phủ. Thực hiện nhiệm vụ này, UBND huyện đã xây dựng kế hoạch xét tuyển viên chức năm 2019, tại Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 29/5/2019. Tuy nhiên, do bà P không đáp ứng được các điều kiện tuyển dụng (không có bằng chuyên môn để tham gia xét tuyển) nên UBND huyện đã chấm dứt HĐLĐ đối với bà P. Do đó, HĐLĐ giữa bà P và UBND huyện BLV chấm dứt theo quy định tại khoản 10 Điều 36 Bộ luật Lao động 2012: “Người sử dụng lao động cho người lao động thôi việc do thay đổi cơ cấu”.

Trước khi chấm dứt HĐLĐ, ngày 15/8/2019 UBND huyện đã có thông báo về việc chấm dứt HĐLĐ tại đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND huyện gửi đến người lao động và các cơ quan liên quan; UBND huyện đã trao đổi với tổ chức đại diện tập thể người lao động tại Ban Quản lý cảng; thông báo cho Sở Lao động Thương binh và Xã hội thành phố Hải Phòng; hướng dẫn thực hiện chế độ chính sách cho người lao động khi chấm dứt HĐLĐ. Đến ngày 30/9/2019, Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 102/QĐ-UBND chấm dứt HĐLĐ với bà Phạm Thị Lan P. Như vậy, UBND huyện đã thực hiện việc chấm dứt HĐLĐ đối với bà Phạm Thị Lan P đúng theo thủ tục quy định tại Điều 36, Điều 44 Bộ luật Lao động 2012. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Lan P về xác định việc UBND huyện BLV đơn phương chấm dứt HĐLĐ đối với bà là trái pháp luật. Vì vậy, các yêu cầu của bà P về giải quyết nghĩa vụ của UBND huyện trong việc chấm dứt HĐLĐ trái pháp luật gồm nhận bà trở lại làm việc, trả tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày bà không được làm việc cộng với ít nhất 2 tháng tiền lương theo HĐLĐ cũng không có căn cứ chấp nhận.

Thứ hai, xét ý kiến kháng cáo của bà P về việc áp dụng hệ số lương 9,88 để tính tiền bồi thường, trợ cấp: Nội dung này trùng với nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng nên Kiểm sát viên phân tích cùng nội dung kháng nghị phúc thẩm.

- Về kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng kháng nghị đối với Bản án số 01/2021/LĐ-ST của Tòa án nhân dân huyện BLV với hai lý do: Tòa án sơ thẩm tuyên UBND huyện BLV đã thực hiện nghĩa vụ nên không phải nộp án phí là không đúng và Tòa án cấp sơ thẩm xác định tiền lương làm căn cứ tính trợ cấp không đúng.

Thứ nhất, xét việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên UBND huyện BLV đã thực hiện nghĩa vụ nên không phải nộp án phí: Theo quy định tại Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp,

quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: “Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận”. Tòa án nhân dân huyện BLV chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo đó bị đơn có nghĩa vụ trả trợ cấp mất việc làm cho bà Phạm Thị Lan P số tiền 15.198.000 đồng. Căn cứ quy định trên, UBND huyện BLV phải chịu án phí là 455.940 đồng ($3\% \times 15.198.000$ đồng). Như vậy, việc Tòa án nhân dân BLV tuyên UBND huyện đã thực hiện nghĩa vụ nên không phải nộp án phí là không đúng quy định của pháp luật.

Thứ hai, xét nội dung kháng nghị phúc thẩm và nội dung kháng cáo của nguyên sơ thẩm nhận định: Tiền lương bình quân 06 tháng liền kề trước khi bà P mất việc làm theo HĐLĐ được tính: Hệ số 2,55 x 1.490.000 đồng = 3.799.500 đồng. Từ đó, Tòa án sơ thẩm lấy mức tiền lương 3.799.500 đồng này là mức lương theo công việc để làm căn cứ tính trợ cấp mất việc làm cho bà P là có thiếu sót, không đúng quy định của Điều 49 Bộ luật Lao động 2012; bởi lẽ:

Tại Điều 49 Bộ luật Lao động 2012 quy định: “Tiền lương để tính trợ cấp mất việc làm là tiền lương bình quân theo HĐLĐ của 06 tháng liền kề trước khi người lao động mất việc làm”. Theo quy định tại Điều 90 Bộ luật lao động 2012: “Tiền lương bao gồm mức lương theo công việc hoặc chức danh, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác”. Tại HĐLĐ ngày 01/7/2007 giữa đại diện Ban quản lý cảng và bà Phạm Thị Lan P cũng thể hiện: Tiền lương gồm mức lương chính và phụ cấp (phụ cấp khu vực 0,7 và phụ cấp đặc biệt 50%). Trong Quyết định số 28/QĐ-CT ngày 26/5/2008 của Chủ tịch UBND huyện cũng thể hiện: “Bà Phạm Thị Lan P được hưởng lương ngạch nhân viên kỹ thuật, mã số 01.007, bậc 1, hệ số lương 1,65 và các khoản phụ cấp khác theo Quyết định 409-QĐ/UB ngày 31/5/1994 của UBND thành phố Hải Phòng, kể từ ngày 01/6/2008”. Tại Bảng thanh toán tiền lương cán bộ viên chức từ tháng 4/2019 đến tháng 9/2019 cũng thể hiện ngoài hệ số lương cơ bản là 2,55; bà P còn có hệ số lương theo quyết định 409 là 3,83; phụ cấp khu vực là 3,5; tổng cộng hệ số là 9,88. Do đó, có đủ cơ sở để xác định tiền lương theo HĐLĐ của 06 tháng liền kề trước khi người lao động là bà Phạm Thị Lan P mất việc hoặc thôi việc phải được tính cả phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Việc Tòa án cấp sơ thẩm chỉ lấy hệ số lương cơ bản để tính ra mức lương theo công việc làm căn cứ tính tiền trợ cấp cho bà P là có thiếu sót, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là bà Phạm Thị Lan P. Vì vậy, nội dung kháng nghị của Viện Kiểm sát thành phố Hải Phòng và một phần ý kiến kháng cáo của bà P về việc áp dụng mức lương theo hệ số 9,88 để làm căn cứ tính trợ cấp là có căn cứ chấp nhận.

Theo đó, số tiền mà bà P được trợ cấp tính lại như sau: Căn cứ theo bảng thanh toán lương cán bộ viên chức hàng tháng, xác định tiền lương bình quân 06 tháng liền kề trước khi bà P mất việc làm theo HĐLĐ (từ tháng 4/2019 đến tháng 9/2019) là lương theo hệ số 9,88. Bà P làm việc thực tế từ 01/01/2005 đến khi nghỉ là 30/9/2019, đóng Bảo hiểm thất nghiệp từ 01/01/2010. Do đó, thời gian để tính

trợ cấp mất việc làm của bà P là 14 năm 9 tháng - 10 năm 9 tháng = 4 năm. Mỗi năm làm việc trả 01 tháng tiền lương nên số tiền trợ cấp mất việc làm cho bà P là $9,88 \times 1.490.000 \times 4 = 58.884.800$ đồng. UBND huyện đã nộp số tiền 15.198.000 đồng cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện BLV để trả cho bà P, nay còn phải nộp thêm số tiền là $(58.884.800 \text{ đồng} - 15.198.000 \text{ đồng}) = 43.686.800$ đồng. Tại yêu cầu khởi kiện ở cấp sơ thẩm, bà P đề nghị UBND huyện phải trả cho bà số tiền 96.963.240 đồng. Tại đơn giải trình đơn kháng cáo, bà đề nghị UBND huyện phải thanh toán số tiền 337.240.640 đồng nhưng tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà P thay đổi nội dung kháng cáo, yêu cầu số tiền như ban đầu là 96.963.240 đồng, nên số tiền bà P không được chấp nhận là 38.078.440 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận kháng nghị của VKSND thành phố Hải Phòng, chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng phân tích trên.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện khác của bà P. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với phần yêu cầu không được chấp nhận nhưng được miễn nộp án phí do là người lao động khởi kiện về chấm dứt HĐLĐ trái luật. Án phí phúc thẩm: Do Bản án sơ thẩm bị sửa nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, kháng nghị của Viện kiểm sát và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa.

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp về việc đơn phương chấm dứt HĐLĐ. Theo quy định tại Điều 32, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì Tòa án nhân dân huyện BLV giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về áp dụng pháp luật: Thời điểm UBND huyện chấm dứt HĐLĐ với bà P là ngày 30/9/2019 nên phải áp dụng Bộ luật Lao động năm 2012 để giải quyết.

- Xét kháng cáo của nguyên đơn là bà Phạm Thị Lan P về việc chấm dứt HĐLĐ và nghĩa vụ bồi thường thiệt hại:

[3] Về việc các bên ký kết Hợp đồng lao động: UBND huyện BLV ký kết HĐLĐ không xác định thời hạn với bà Phạm Thị Lan P vào tháng 6/2008 là đúng thẩm quyền, không vi phạm điều cấm của pháp luật. Theo HĐLĐ bà được giao nhiệm vụ làm nhân viên kỹ thuật nhưng do đặc thù điều kiện của địa phương, thực tế, bà P làm nhiều công việc khác nhau, như: Dọn dẹp vệ sinh, thu tiền vé, điều hành tàu vào bến...được các bên thực hiện từ khi ký kết đến khi chấm dứt HĐLĐ.

[4] Xét việc chấm dứt HĐLĐ của UBND huyện BLV đối với bà P: UBND huyện BLV đã thực hiện sự chỉ đạo của UBND thành phố Hải Phòng theo quy định tại Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 07/01/2019 về việc phân bổ biên chế công chức hành chính, số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thành phố Hải Phòng năm 2019, thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp phải thực hiện nhiệm vụ: “Chủ động rà soát lại nhiệm vụ, phân công, bố trí lại đội ngũ, viên chức, từng bước xây dựng phương án cung cấp dịch vụ để tiến tới thực hiện theo chế độ hợp đồng công việc, nhằm giảm bớt biên chế sự nghiệp phân bổ cho đơn vị; rà soát, chấm dứt hợp đồng làm chuyên môn, nghiệp vụ tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước thành phố đảm bảo chi thường xuyên...” UBND huyện BLV đã tiến hành rà soát và xây dựng Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 29/5/2019 về việc xét tuyển viên chức năm 2019 trong đó có quy định các điều kiện dự tuyển tương ứng với mỗi vị trí việc làm phải có văn bằng, chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng, các điều kiện khác phù hợp. Qua quá trình tuyển dụng lại viên chức, bà Phạm Thị Lan P không đủ điều kiện dự tuyển do không có văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm nên UBND huyện đã chấm dứt HĐLĐ với bà cùng 4 người khác. Việc thực hiện quyết định của UBND thành phố dẫn tới việc thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động, nên việc chấm dứt HĐLĐ của đối với bà P thuộc trường hợp quy định tại khoản 10 Điều 36; Điều 44 Bộ luật Lao động 2012.

[5] Về thời hạn báo trước: Trước khi ra Quyết định chấm dứt HĐLĐ với bà P, UBND huyện đã có Thông báo số 16/TB-UBND ngày 15/5/2019 về việc chấm dứt HĐLĐ tại đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND huyện cho những người lao động và các phòng ban ở UBND, Hội đồng nhân dân được biết; UBND huyện đã trao đổi với tổ chức đại diện tập thể người lao động tại Ban Quản lý cảng; đồng thời có Công văn số 156/UBND-VP ngày 21/8/2019 về việc chấm dứt HĐLĐ đối với người lao động làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc gửi Sở Lao động thương binh và Xã hội Hải Phòng (Cơ quan quản lý Nhà nước về lao động cấp tỉnh); thời hạn thông báo đều đảm bảo trước 30 ngày kể từ ngày ra Quyết định theo quy định tại khoản 3 Điều 44 Bộ luật Lao động.

[6] Như vậy, việc UBND huyện BLV chấm dứt HĐLĐ với bà Phạm Thị Lan P là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật nên không chấp nhận phản kháng cáo này của bà P.

[7] Về nghĩa vụ bồi thường: Do UBND huyện chấm dứt HĐLĐ với bà P có căn cứ và đúng pháp luật, UBND huyện không thể giải quyết việc làm mới cho bà P, nên chỉ phải trả khoản tiền trợ cấp mất việc cho bà P theo quy định tại Điều 49 Bộ luật Lao động. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn về việc yêu cầu bồi thường trợ cấp thôi việc, thanh toán tiền lương, tiền BHXH, BHYT của bà P.

- Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

[8] Đối với thời gian và số tiền trợ cấp mất việc cho bà Phạm Thị Lan P: Theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 49 Bộ luật lao động; khoản 5 Điều 1 Nghị định 148/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động; quy định: “*Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm trước đó (nếu có).... c) Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm của người lao động được tính theo năm (đủ 12 tháng); trường hợp có tháng lẻ thì từ đủ 01 tháng đến dưới 06 tháng được tính bằng 1/2 năm; từ đủ 06 tháng trở lên được tính bằng 01 năm làm việc.*” Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì thời gian bà P làm việc thực tế là 14 năm 09 tháng (từ ngày 01/01/2005 đến 30/9/2019); thời gian đã đóng Bảo hiểm thất nghiệp là 10 năm 09 tháng (từ 01/01/2009 đến 30/9/2019) nên thời gian được tính trợ cấp mất việc là (14 năm 09 tháng) - (10 năm 09 tháng) = 4 năm, mỗi năm được tính bằng 1 tháng tiền lương như Tòa án cấp sơ thẩm đã tính là có căn cứ và đúng quy định.

[9] Đối với tiền lương để tính trợ cấp mất việc: Theo khoản 3 Điều 49 Bộ luật Lao động thì tiền lương để tính trợ cấp mất việc làm là tiền lương bình quân theo HĐLĐ của 06 tháng liền kề trước khi người lao động mất việc làm. Theo HĐLĐ ngày 01/7/2007 giữa Ban Quản lý Cảng và bà Phạm Thị Lan P thể hiện: Quyền lợi, bà P được hưởng tiền lương chính và phụ cấp (gồm phụ cấp khu vực 0,7; phụ cấp đặc biệt 50%). Ngoài ra, tại Quyết định số 28/QĐ-CT ngày 26/5/2008 của UBND huyện BLV đã xác định bà Phạm Thị Lan P hệ số lương 1,65 và các khoản phụ cấp khác theo Quyết định 409-QĐ/UB ngày 31/5/1994 của UBND thành phố Hải Phòng kể từ ngày 01/6/2008. Đồng thời, theo Bản thanh toán tiền lương cán bộ, viên chức từ tháng 4/2019 đến tháng 9/2019 thể hiện, tổng cộng hệ số lương của bà P là 9,88 (gồm hệ số lương cơ bản: 2,55; phụ cấp theo QĐ 409: 3,83; phụ cấp khu vực: 3,5). Do đó, tiền lương để tính trợ cấp mất việc của bà P ngoài lương theo hệ số lương cơ bản phải có cả các loại phụ cấp khác; cụ thể tiền lương hàng tháng dùng làm căn cứ tính trợ cấp cho bà P là: 1.490.000 đồng x 9,88 = 14.721.200 đồng. Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định tiền lương để tính trợ cấp mất việc làm cho bà P là mức lương cơ sở 1.490.000 đồng x 2,55 (hệ số lương cơ bản) là thiếu sót, chưa đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

[10] Vì vậy, số tiền trợ cấp mất việc làm của bà P được tính lại là: 04 tháng x 1.490.000 đồng/tháng x 9,88 = 58.884.800 đồng.

[11] Xét nghĩa vụ chịu án phí của bị đơn: Theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định: “Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận”. Theo quyết định của bản án sơ thẩm thì bị đơn là UBND

huyện BLV phải trả cho nguyên đơn số tiền trợ cấp mất việc làm là 15.198.000 đồng nên phải chịu án phí Lao động sơ thẩm là 455.940 đồng. Do UBND huyện BLV đã tự nguyện nộp toàn bộ số tiền 15.198.000 đồng vào Chi cục Thi hành án dân sự huyện BLV với số tiền Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên nên bị đơn sẽ phải chịu số tiền án phí lao động không có giá ngạch. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm lại không buộc bị đơn phải chịu án phí do đã thực hiện xong nghĩa vụ trước khi mở phiên tòa, trong khi Tòa án vẫn phải mở phiên tòa xét xử và quyết định mức trợ cấp là không đúng quy định của pháp luật. Mặt khác việc bị đơn thực hiện nghĩa vụ nộp tiền vào Chi cục thi hành án dân sự huyện BLV không phải việc trả tiền trực tiếp cho nguyên đơn; đồng thời, theo quy định tại Điều 11, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về các trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, không phải chịu án phí, lệ phí Tòa án thì không có trường hợp được miễn án phí hay không phải nộp án phí do đã thực hiện nghĩa vụ nộp tiền.

[12] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa Bản án Lao động sơ thẩm số 01/2021/LĐ-ST ngày 30 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện đảo BLV, thành phố Hải Phòng.

- *Về án phí lao động*: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[13] Án phí lao động sơ thẩm: UBND huyện BLV phải chịu án phí lao động sơ thẩm đối với phần nguyên đơn được chấp nhận, do UBND huyện BLV đã nộp trước số tiền 15.198.000 đồng vào Chi Cục thi hành án dân sự huyện BLV để thực hiện nghĩa vụ nên phải chịu án phí cụ thể như sau: $(58.884.800 \text{ đồng} - 15.198.000 \text{ đồng}) = 43.686.800 \text{ đồng} \times 3\% = 1.310.604 \text{ đồng}$. Bà P không phải chịu án phí lao động sơ thẩm đối với số tiền yêu cầu không được Tòa án chấp nhận.

[14] Án phí lao động phúc thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí lao động phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 10 Điều 36, Điều 44, Điều 49 Bộ luật Lao động;

Căn cứ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn; chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng; chấp nhận một phần yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn và sửa Bản án sơ thẩm, cụ thể:

1. Ủy ban nhân dân huyện BLV, thành phố Hải Phòng phải trả trợ cấp mất việc làm cho bà Phạm Thị Lan P số tiền 58.884.800 (*Năm mươi tám triệu, tám trăm tám mươi tư nghìn, tám trăm*) đồng.

Ủy ban nhân dân huyện BLV, thành phố Hải Phòng đã nộp số tiền 15.198.000 đồng vào Chi cục Thi hành án dân sự huyện BLV, thành phố Hải Phòng để trả bà P theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000767 ngày 28/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BLV, thành phố Hải Phòng, nên còn phải trả tiếp cho bà P số tiền là 43.686.800 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Án phí lao động sơ thẩm: Ủy ban nhân dân huyện BLV phải nộp 1.310.604 đồng án phí lao động sơ thẩm.

- Án phí lao động phúc thẩm: Bà Phạm Thị Lan P không phải chịu án phí lao động phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện BLV;
- TAND huyện BLV;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hà